

Chương 5

BÁO CÁO NGÂN LƯU THỂ HIỆN CÁC DÒNG NGÂN LƯU TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Stickney & Weil, Kế toán Tài chính: Giới thiệu về khái niệm, phương pháp và công dụng, Nhà xuất bản Dryden, năm 1997. Bản dịch tiếng Việt do Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright thuộc Đại học Kinh tế TP.HCM biên soạn và thực hiện. Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc dịch thuật. Trong trường hợp có khác biệt thì tài liệu nguyên gốc sẽ được sử dụng làm căn cứ.

Mục đích nghiên cứu:

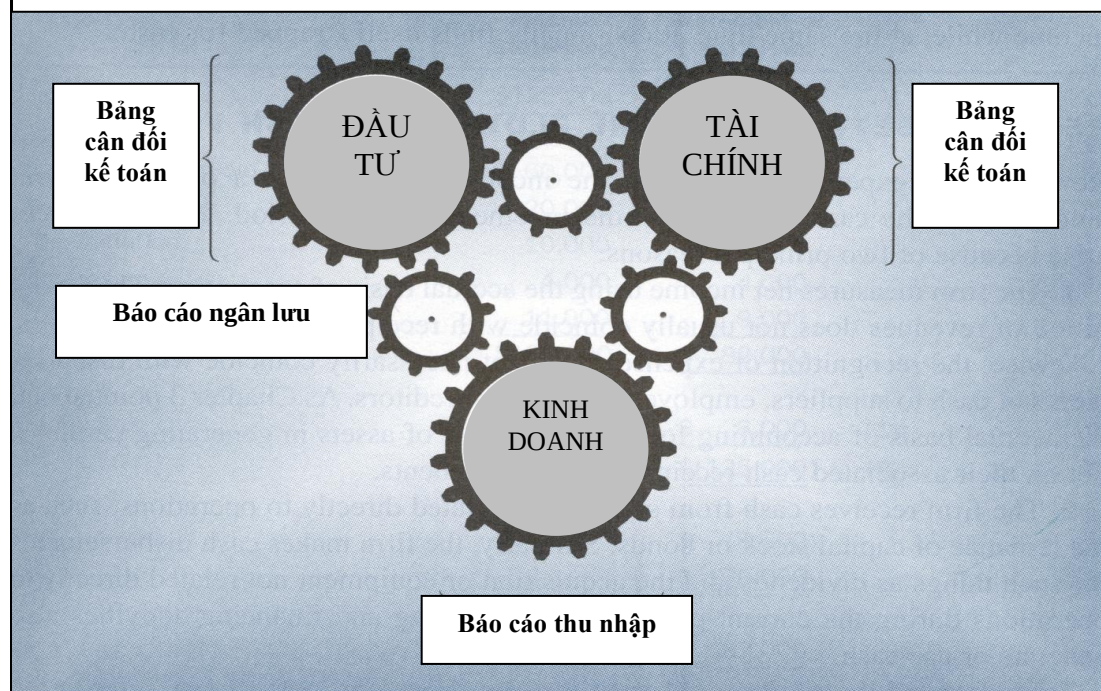
1. Hiểu được tại sao việc sử dụng nguyên tắc **kế toán theo thực thể phát sinh** (accrual accounting) để lập Bảng cân đối kế toán và Báo cáo thu nhập lại dẫn đến sự cần thiết của **Báo cáo ngân lưu**.
2. Hiểu được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc về hoạt động kinh doanh, đầu tư và hoạt động tài chính.
3. Biết cách lập một Báo cáo ngân lưu dựa vào các dữ liệu ở bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập.
4. Biết cách lập **báo cáo nguồn tiền và sử dụng tiền** - tiền thân của báo cáo ngân lưu.
5. Có khả năng phân tích báo cáo ngân lưu, cụ thể là phân tích mối quan hệ giữa các dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính đối với những lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Đâu là điểm chung giữa Công ty Macy, Cửa hàng Bách hóa Store, Hiệu thuốc tây Revco và Hãng thông tấn United Press? Lần lượt, các doanh nghiệp này đã tuyên bố phá sản vào cuối những năm 1980 hoặc đầu những năm 1990, mặc dù họ đã hoạt động có lãi trong hầu hết những năm trước đó. Nguyên nhân của sự phá sản là do các doanh nghiệp này đã không tạo ra đủ lượng tiền cần thiết để trang trải cho chi phí hoạt động, trả nợ và những đầu tư cần thiết khác.

Trong chương này, chúng ta sẽ thảo luận về báo cáo ngân lưu, đây là bảng báo cáo thể hiện tác động của các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính đến dòng ngân lưu phát sinh trong kỳ kế toán¹

¹ **FASB**: Financial Accounting Standard Board - Ủy ban Chuẩn mực Kế Toán Mỹ yêu cầu báo cáo ngân lưu phải giải trình những thay đổi về tiền và các tài sản có giá trị tương đương tiền. Các tài sản có trị tương đương tiền là những đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao mà doanh nghiệp đầu tư khi tạm thời dư tiền. Trong suốt chương này, chúng ta dùng từ “**dòng ngân lưu**” (cash flows) để chỉ tiền và những tài sản tương đương tiền. Xem FASB, *Chuẩn mực báo cáo tài chính, Số 95*, "Báo cáo ngân lưu" 1987.

Hình 5.1: Mối quan hệ qua lại giữa hoạt động đầu tư (*Investing activities*) hoạt động tài chính (*Financing activities*) và hoạt động kinh doanh (*Operating activities*) và các báo cáo tài chính (*Financial statement*).



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO NGÂN LƯU

Chương 1 đã giới thiệu ba hoạt động cơ bản của doanh nghiệp là: hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh, và chúng ta cũng đã thảo luận nhiều về hai báo cáo tài chính căn bản: Bảng cân đối kế toán và Báo cáo thu nhập. Hình 5.1 thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa ba hoạt động này trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp: mỗi vận động của hoạt động này luôn có quan hệ hỗ tương với hoạt động kia.

Dòng ngân lưu gắn các hoạt động này với nhau và giữ cho chúng thực hiện được trôi chảy. Nếu doanh nghiệp không tạo ra tiền kịp thời và đầy đủ, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn và có thể dẫn đến phá sản.

Ví dụ Trong tháng 1 năm 1, Công ty điện Solinger Electric Corporation bắt đầu hoạt động cung cấp điện cho khách hàng tiêu dùng. Từ nguồn vốn của chủ sở hữu và vốn vay, công ty đã đầu tư để mua nhà xưởng và thiết bị. Và hoạt động của công ty rất có hiệu quả, lợi nhuận ròng đã tăng từ 3000 đô la trong năm 1 lên 20.000 đô la trong năm 4. Tuy nhiên, công ty đã gặp phải khó khăn ngày càng tăng trong việc thu tiền các hóa đơn đến hạn. Ban lãnh đạo công ty tự hỏi, tại sao công ty có thể vừa tăng lãi ròng, đồng thời, lại luôn ở trong tình trạng thiếu hụt tiền mặt.

MỐI QUAN HỆ GIỮA LỢI NHUẬN VÀ DÒNG NGÂN LƯU

Doanh thu và chi phí được phản ánh trong báo cáo thu nhập không tương ứng với số tiền thu vào và chi ra trong kỳ. Việc khác nhau này do hai nguyên nhân chính:

1. Lợi nhuận được tính dựa trên cơ sở kế toán theo thực thể phát sinh. Thời điểm ghi nhận doanh thu không luôn luôn tương ứng với thời điểm thu tiền từ khách hàng. Tương tự, thời điểm ghi nhận chi phí không nhất thiết là lúc thực tế thanh toán cho người cung cấp, lương nhân viên hoặc những chủ nợ khác. Như đã chỉ ra trong chương 3, nguyên tắc chính của kế toán theo thực thể phát sinh là tập trung ghi nhận việc doanh nghiệp sử dụng tài sản để tạo ra lợi nhuận, không quan tâm đến thực tế thu tiền và chi tiền như thế nào.

2. Doanh nghiệp có thể có những nguồn thu, chi tiền không liên quan trực tiếp đến hoạt động chính của mình, chẳng hạn thu do phát hành các loại chứng khoán, chi thanh toán tiền cho những hoạt động liên quan đến phát hành chứng khoán hoặc chi trả cổ tức. Doanh nghiệp cũng có thể mua những thiết bị không có liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo. Các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính này đều có thể tạo ra tiền và sử dụng tiền.

Để có thể hiểu được mối quan hệ giữa lợi nhuận và dòng ngân lưu, chúng ta xem xét số liệu của công ty Solinger Electric trong năm 4, thể hiện trong bảng 5.1. Doanh thu được thể hiện trong báo cáo thu nhập là 125.000 đô la, Công ty chỉ mới thu được 90.000 đô la của khách hàng. Đến cuối năm, phần còn lại chưa thu được là 35.000 đô la ($=125.000 - 90.000$). Số tiền chưa thu này làm tăng "khoản phải thu" trong Bảng cân đối kế toán². Đối với giá vốn hàng bán thể hiện trên báo cáo thu nhập là 60.000 đô la, công ty chỉ thanh toán cho nhà cung cấp là 50.000 đô la. Sự khác nhau về thời gian giữa dòng ngân lưu và các chi phí phát sinh khác như lương nhân viên hay các chi phí hoạt động khác cũng diễn ra tương tự.

Cũng cần lưu ý rằng không có dòng ngân lưu cụ thể nào liên quan đến chi phí khấu hao xảy ra trong năm 4. Doanh nghiệp đã dùng các khoản tiền thu được trong những năm trước để mua nhà xưởng thiết bị, nhưng dựa trên nguyên tắc kế toán theo thực thể phát sinh, những khoản tiền thanh toán trước đó không tạo nên chi phí trong kỳ báo cáo. Sự thanh toán này thể hiện trong Bảng cân đối kế toán bằng việc tăng giá trị của nhà xưởng thiết bị trong khoản mục tài sản. Trong báo cáo ngân lưu, việc mua tài sản này thể hiện là dòng ngân lưu chi ra để đầu tư. Đến năm nay, khi sử dụng thiết bị nhà xưởng này, doanh nghiệp ghi nhận chi phí liên quan đến việc sử dụng tài sản trong kỳ, cho dù thực tế không có một khoản chi tiền nào cả. Như vậy trong năm 4, các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã tạo được 20.000 đô la lãi ròng nhưng thực tế lượng tiền chỉ tăng được 8.000 đô la mà thôi.

² Nhằm mục đích minh họa nên chúng ta đơn giản hoá ví dụ này. Trong thực tế, một số các khoản phải thu đã có số dư từ đầu năm. Tương tự, cũng có một số các khoản phải trả cũng có số dư từ đầu năm.

Như thể hiện trong bảng 5.1, trong năm 4 các hoạt động tài chính và đầu tư của doanh nghiệp đã tác động đến lượng tiền của doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã thanh toán 125.000 đô la mua thiết bị mới và 8.000 đô la chia cổ tức, đồng thời doanh nghiệp nhận được 100.000 đô la từ việc phát hành trái phiếu. Các hoạt động này của doanh nghiệp đã làm giảm lượng tiền một khoản là 25.000 đô la.

Báo cáo ngân lưu thể hiện phía bên phải của bảng 5.1 được làm theo **phương pháp trực tiếp**. Phương pháp trực tiếp tính toán dòng ngân lưu từ các hoạt động bằng cách trừ các khoản tiền đã thanh toán cho nhà cung cấp, nhân viên, thanh toán khác, từ số tiền thu được từ khách hàng. Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp lại sử dụng **phương pháp gián tiếp** để tính dòng ngân lưu phát sinh từ hoạt động kinh doanh. Trong phần sau của chương này, chúng ta sẽ thảo luận đầy đủ hơn về phương pháp gián tiếp để tính dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh bằng cách điều chỉnh lợi nhuận ròng với các khoản doanh thu và chi phí chưa thực tế thu chi tiền.

Bảng 5.1: Công ty Solinger Electric

Báo cáo thu nhập và Báo cáo Ngân lưu năm 4. (Đơn vị tính: đô la)

	Báo cáo thu nhập	Báo cáo ngân lưu	
Doanh thu bán hàng	<u>125.000</u>	<u>90.000</u>	Thu từ khách hàng
Trừ chi phí			Trừ các khoản đã trả
Giá vốn hàng bán	60.000	50.000	Trả cho người cung cấp hàng hóa
Trả lương	20.000	19.000	Trả lương cho nhân viên
Khấu hao	10.000	0	----
Trả lãi vay	4.000	4.000	Trả cho người cho vay
Chi phí khác	<u>11.000</u>	<u>9.000</u>	Trả cho nhà cung cấp khác
Tổng cộng chi phí	105.000	82.000	Tổng cộng đã trả cho nhà cung cấp và nhân viên
Lợi nhuận ròng	<u>20.000</u>	<u>8.000</u> (1)	Ngân lưu từ hoạt động kinh doanh
		<u>(125.000)</u> (2)	Ngân lưu từ hoạt động đầu tư vào Nhà xưởng & Thiết bị
		(8.000)	Chia cổ tức
		<u>100.000</u>	Thu tiền từ phát hành trái phiếu dài hạn
		<u>92.000</u> (3)	Ngân lưu từ hoạt động tài chính
		(1)+(2)+(3)	
		= (25.000)	Thay đổi ròng trong quỹ tiền mặt.
		<u>30.000</u>	Tồn quỹ tiền mặt 1/1 năm 4
		<u>5.000</u>	Tồn quỹ tiền mặt 31/12 năm 4

MỤC ĐÍCH CỦA BÁO CÁO NGÂN LƯU

Báo cáo ngân lưu báo cáo tất cả số tiền luân chuyển từ những *hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính*. Báo cáo ngân lưu cũng chỉ ra nguyên tắc ghi nhận dòng ngân lưu vào và ngân lưu ra từ ba hoạt động này. Các dòng ngân lưu chủ yếu thể hiện trong hình 5.2 sẽ được mô tả tiếp theo phần sau.

Hoạt động kinh doanh: Cách quan trọng nhất để tạo ra tiền đối với một công ty có nền tài chính lành mạnh là bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Khi đánh giá hoạt động của doanh nghiệp qua nhiều năm, lượng tiền thu được từ những hoạt động kinh doanh đã thể hiện mức độ công ty đã thu được tiền từ những hoạt động kinh doanh nhiều hơn số tiền phải chi ra. Doanh nghiệp có thể dùng số tiền dồi dào này để chia cổ tức, mua nhà xưởng thiết bị, trả trước các khoản trợ cấp hưu trí dài hạn, và thực hiện những hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính khác.

Hoạt động đầu tư: Đối với doanh nghiệp, tiền chủ yếu được dùng để mua những tài sản cố định, đặc biệt là nhà xưởng thiết bị. Doanh nghiệp cần phải đổi mới những tài sản khi bị hao mòn, và nếu doanh nghiệp đang phát triển thì lại cần phải mua sắm thêm tài sản cố định. Để mua tài sản mới, doanh nghiệp có thể dùng một phần nguồn thu từ việc bán những tài sản cũ. Tuy nhiên, thường thì những nguồn thu từ việc bán tài sản cũ không đủ để mua sắm tài sản mới.

Hoạt động tài chính: Doanh nghiệp có thể có được nguồn thu từ việc vay mượn và phát hành chứng khoán (*cổ phiếu hoặc trái phiếu*). Doanh nghiệp cũng dùng tiền để chia cổ tức cho cổ đông, mua lại các chứng khoán của chính công ty đang lưu hành trên thị trường. Dòng ngân lưu từ những hoạt động tài chính này là phần quan trọng thứ ba được thể hiện trên báo cáo ngân lưu.

Không phải lúc nào dòng ngân lưu cũng có thể được phân định rõ ràng là phát sinh từ loại hoạt động nào trong ba loại hoạt động nói trên. Chẳng hạn nhân viên **kế toán** có thể phân loại nguồn thu từ tiền lãi và cổ tức được chia do đầu tư vào các chứng khoán khác như là nguồn thu từ hoạt động kinh doanh (cơ sở logic của việc phân loại này là cho rằng tiền lãi và cổ tức được chia đã được báo cáo như là lợi nhuận trên báo cáo thu nhập, báo cáo tài chính thể hiện kết quả hoạt động của toàn doanh nghiệp), hoặc cho đó là nguồn thu từ hoạt động đầu tư (cơ sở logic của việc phân loại này là dòng ngân lưu phát sinh từ hoạt động mua bán trong đầu tư chứng khoán được thể hiện như là những hoạt động đầu tư). Thông báo của FASB, số 95 yêu cầu doanh nghiệp phân loại nguồn tiền thu được từ lãi và cổ tức được chia vào mục ngân lưu từ hoạt động kinh doanh, nhưng ghi nhận dòng ngân lưu phát sinh do việc mua bán đầu tư chứng khoán vào ngân lưu từ hoạt động đầu tư.

Trường hợp không phân định tương tự khác cũng xảy ra đối với chi phí trả lãi vay. Tiền phải trả chi phí lãi vay nên thể hiện trong phần chi hoạt động kinh doanh (để có thể thống nhất với khoản chi phí trong báo cáo thu nhập) hoặc là ghi khoản chi do hoạt động tài chính (để thống nhất với sự phân loại tiền trả nợ, trả trước quỹ hưu trí là hoạt động tài chính). Thông báo của

FASB, số 95 yêu cầu doanh nghiệp phân loại chi phí lãi vay vào hoạt động kinh doanh, nhưng hoạt động cho vay và trả nợ vay lại là hoạt động tài chính. Tuy nhiên, cổ tức doanh nghiệp chia cho cổ đông lại được ghi là hoạt động tài chính. Việc phân loại tiền lãi trên nợ vay là thuộc hoạt động kinh doanh và cổ tức trả cho cổ phiếu thường hay cổ phiếu ưu đãi lại được ghi nhận hoạt động tài chính thể hiện không có sự thống nhất. Cơ sở lý luận FASB có thể cho rằng kế toán phân loại lãi vay phải trả là chi phí kinh doanh khi tính lợi nhuận ròng, trong khi cổ tức được chia lại thể hiện sự phân chia tài sản đã tạo ra thu nhập, chứ không phải là một khoản chi phí kinh doanh.

Một trường hợp khó phân biệt khác là việc xếp hoạt động mua bán chứng khoán trên thị trường (được coi là hoạt động đầu tư, không phải là hoạt động kinh doanh), và việc tăng giảm các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của ngân hàng (được coi là hoạt động tài chính, không phải là hoạt động kinh doanh). Trong những chương sau, chúng ta sẽ thảo luận vấn đề này một cách đầy đủ hơn.

Đôi khi, doanh nghiệp cũng bị ràng buộc với những nghiệp vụ đầu tư, tài chính không quan hệ trực tiếp đến tiền. Ví dụ, doanh nghiệp có thể mua nhà cửa từ việc thu hồi các khoản cầm cố, hoặc có thể đổi đất lấy thiết bị. Những người cầm giữ giấy nợ của doanh nghiệp có thể chuyển nợ thành cổ phiếu thường. Những nghiệp vụ này không thể hiện trên báo cáo ngân lưu như là những hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính, đơn giản vì chúng không phải là yếu tố để giải thích nguyên nhân thay đổi của dòng tiền tệ. Doanh nghiệp phải báo cáo những hoạt động đầu tư, tài chính không liên quan đến tiền trong một báo cáo riêng hoặc ghi chú thêm vào bên dưới báo cáo ngân lưu (*Footnotes*).

Hình 5.2 : Cấu trúc của Báo cáo ngân lưu***Hoạt động kinh doanh***

Tiền thu từ doanh thu bán hàng và dịch vụ	–	Tiền chi mua hàng hóa và dịch vụ	=	Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh
--	---	--	---	---

Hoạt động đầu tư

Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	–	Tiền chi mua Nhà xưởng Thiết bị	=	Ngân lưu ròng từ hoạt động đầu tư
--	---	---------------------------------------	---	--------------------------------------

Hoạt động tài chính

Tiền thu từ phát hành trái phiếu, cổ phiếu, vay nợ	–	Tiền trả cổ tức, trả nợ, mua lại tái phiếu, cổ phiếu	=	Ngân lưu ròng từ hoạt động tài chính
				=
				Tổng ngân lưu ròng trong kỳ

BÀI TẬP TỰ ÔN LUYỆN 5.1

Phân loại các dòng ngân lưu cho các hoạt động. Xếp mỗi dòng ngân lưu sau đây vào các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

(đơn vị tính: đô la)

- a. Thanh toán 96.900 cho người bán
 - b. Thu 200.000 từ việc phát hành cổ phiếu
 - c. Thu 49.200 từ doanh thu trong kỳ
 - d. Thu 22.700 từ khách hàng về khoản bán chịu kỳ trước
 - e. Thu trước tiền bán hàng 1.800
 - f. Chi trả 16.000 lãi vay
 - g. Chi trả 14.000 tiền mua đất đai
 - h. Trả 25.300 cho bảo hiểm y tế trong kỳ
 - i. Trả 7.900 cho bảo hiểm y tế kỳ trước
 - j. Trả 53.800 mua bằng sáng chế
 - k. Chi trả 19.300 cổ tức
 - l. Thu bán thanh lý tài sản cố định 12.000, tài sản này có nguyên giá 20.000 và đã khấu hao tích lũy là 8.000
 - m. Trả 100.000 cho trái phiếu đến hạn
 - n. Chi 40.000 để đầu tư cổ phiếu của công ty IBM
 - o. Thu \$200 cổ tức của các cổ phiếu từ công ty IBM
-

PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC GIAO DỊCH ĐẾN TIỀN MẶT

CÔNG THỨC SỐ HỌC:

Để tìm hiểu các tác động của những nghiệp vụ kinh tế khác nhau đến tiền mặt, chúng ta hãy xem lại đẳng thức kế toán. (Dưới đây là các chữ tắt sẽ được dùng):

C (Cash) Tiền

NCA (Non Cash Asset) Tài sản không phải tiền (*tài sản vật chất*)

L (Liabilities) Nợ

SE (Stock Holder's Equity) Vốn chủ sở hữu

Δ (Thay đổi trong từng khoản mục, có thể là số dương (tăng tiền) hoặc số âm (giảm tiền) từ đầu kỳ đến cuối kỳ.

Ta có Đẳng thức kế toán:

$$\text{Tài sản} = \text{Nợ} + \text{Vốn chủ sở hữu}$$

$$C + NCA = L + SE$$

Đẳng thức phải đúng đối với Bảng cân đối kế toán được lập vào đầu kỳ cũng như vào cuối kỳ.

Nếu đẳng thức này đúng đối với Bảng cân đối kế toán đầu kỳ và cuối kỳ thì đẳng thức sau đây cũng phải đúng:

$$\Delta C + \Delta NCA = \Delta L + \Delta SE$$

Xếp lại đẳng thức nói trên, chúng ta có được đẳng thức cân đối thể hiện thay đổi của tiền mặt:

$$\Delta C = \Delta L + \Delta SE - \Delta NCA$$

Vế trái của đẳng thức này thể hiện sự thay đổi đối với tiền. Vế phải của đẳng thức thể hiện thay đổi trong tất cả các tài khoản không phải là tiền, giá trị thay đổi này phải bằng với sự thay đổi của tiền. Đẳng thức này cho thấy: Lượng tăng của tiền (vế trái) bằng với trị giá tăng của các khoản Nợ cộng (+) với tăng Vốn chủ sở hữu, trừ đi giá trị giảm của những tài sản không phải bằng tiền (vế phải). Tiếp theo sau, chúng ta sẽ minh họa xem bằng cách nào, sự thay đổi của những tài khoản thuộc vế phải đã dẫn đến sự thay đổi về lượng tiền ở vế trái.

PHÂN TÍCH CÁC NGHIỆP VỤ KINH TẾ PHÁT SINH

Chúng ta có thể phân tích một vài nghiệp vụ điển hình để thấy được ảnh hưởng của các nghiệp vụ đó lên đẳng thức trên và đối với lượng tiền.

Trở lại Bảng 5.1 trên đây, giả định trong năm 4, Công ty Solinger Electric Corporation có những nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau đây:

1. Mua hàng hóa trị giá 70.000 đô la, thanh toán chậm.
2. Bán hàng cho khách hàng trị giá 125.000 đô la, trong đó thu tiền ngay 60.000 đô la
3. Thanh toán lương 19.000 đô la
4. Thanh toán các chi phí khác 9.000 đô la
5. Thu được tiền của khách từ khoản nợ phải thu 90.000 đô la
6. Thanh toán cho nhà cung cấp 50.000 đô la từ khoản mua chịu.
7. Thanh toán lãi cho trái phiếu theo nghiệp vụ (11) dưới đây.
8. Khoản lương phát sinh nhưng chưa thanh toán tại thời điểm 31/12/ Năm 4: 1.000 đô la.
9. Các chi phí phát sinh khác chưa thanh toán tại thời điểm 31/12/ Năm 4: 2.000 đô la.
10. Chi phí khấu hao của năm 4: 10.000 đô la
11. Phát hành trái phiếu dài hạn trị giá 100.000 đô la
12. Công bố và trả cổ tức 8.000 đô la
13. Mua thiết bị trả ngay bằng tiền mặt: 125.000 đô la

Bảng 5.2 phân tích tác động của những nghiệp vụ này đối với sự thay đổi của dòng ngân lưu, tổng thay đổi là lượng tiền đã giảm 25.000 trong năm 4. Cả hai vế của đẳng thức đều phản ánh lượng thay đổi thuần này. Thay đổi của những tài khoản không phải bằng tiền (vế phải của đẳng thức) đã giải thích nguyên nhân thay đổi tiền trong kỳ (vế trái của đẳng thức). Đối với công ty Solinger Electric Corporation, bảng sau đây giải thích nguyên nhân giảm ròng số tiền 25.000.

Hoạt động kinh doanh	8.000
Hoạt động đầu tư	(125.000)
Hoạt động tài chính	92.000
Giảm tiền ròng trong kỳ	(25.000)

LẬP BÁO CÁO NGÂN LƯU

Báo cáo ngân lưu có thể được lập bằng cách xem xét ảnh hưởng của từng nghiệp vụ trên tài khoản tiền, như trình bày trong bảng 5.2. Sau đó phân loại theo từng loại nghiệp vụ như hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính. Nếu hệ thống ghi chép của doanh nghiệp dùng hệ thống mã số (code) để phân loại từng loại nghiệp vụ ngay khi ghi chép các phát sinh vào tài khoản tiền, việc lập báo cáo ngân lưu sẽ trở nên đơn giản.

Trong trường hợp có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh trong kỳ tác động đến thay đổi của tiền, hầu hết các doanh nghiệp chọn cách lập báo cáo ngân lưu sau khi lập Báo cáo thu nhập và Bảng cân đối kế toán. Chương này sẽ trình bày theo từng bước qui trình lập báo cáo ngân lưu và sử dụng những nghiệp vụ phát sinh trong năm 4 của công ty Solinger Electric Corporation.

CÁC BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGÂN LƯU.

Bước 1: Sử dụng Bảng cân đối kế toán thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ của kỳ báo cáo ngân lưu. Bảng 5.3 thể hiện Bảng cân đối kế toán năm 3 và năm 4 của công ty Solinger Electric.

Bước 2: Chuẩn bị bảng số liệu theo Tài khoản hình chữ T. Xem ví dụ trong bảng 5.4. Trên cùng bảng số liệu tài khoản chữ T, tài khoản chủ chốt là Tài khoản Tiền mặt. Lưu ý rằng bảng tài khoản chữ T gồm 3 phần có tên gọi *hoạt động kinh doanh*, *hoạt động đầu tư* và *hoạt động tài chính*. Trong quá trình lập báo cáo ngân lưu, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến dòng luân chuyển của tiền được phân loại vào một trong ba hoạt động này. Nhập số dư tiền mặt đầu kỳ và cuối kỳ vào tài khoản chữ T. (Số dư tiền mặt đầu kỳ và cuối kỳ của công ty Solinger Electric Corporation lần lượt là 30.000 đô la và 5.000 đô la). Số ghi trên cùng của bảng tài khoản chữ T là số dư đầu kỳ, số ghi dưới cùng là số dư cuối kỳ. Những dấu kiểm tra cho thấy những số này đã cân đối với nhau. Để ý rằng tài khoản chủ chốt, tức tài khoản tiền, nói cách khác, cũng chính là vế bên trái của đẳng thức về thay đổi của tiền như đã thể hiện trong bảng 5.2.

Sau khi đã nhập số dư tiền mặt trên tài khoản chủ (phía trên cùng, bảng 5.4), hoàn tất phần còn lại của bảng số liệu bằng cách nhập số liệu vào tài khoản chữ T, đối với những tài sản không phải bằng tiền, tài khoản các khoản nợ phải trả, tài khoản vốn chủ sở hữu. Phần bên dưới của Bảng 5.4 chỉ những tài khoản chữ T đối với tài khoản tài sản không phải bằng tiền. Nhập số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ của từng tài khoản, tương ứng với kỳ kế toán thể hiện trên Bảng cân đối kế toán. (Xem bảng 5.3). Cũng xin lưu ý là tổng giá trị thay đổi của từng tài khoản riêng lẻ, nói cách khác, cũng chính là phần thể hiện phía bên phải của đẳng thức về thay đổi của tiền như đã thể hiện trong Bảng 5.2.

Bước 3 : Giải thích thay đổi về số dư tiền đầu kỳ và cuối kỳ thể hiện trong tài khoản chủ chốt đối với thay đổi số dư của tài khoản không phải bằng tiền xảy ra trong kỳ. *Hoàn tất công đoạn này bằng cách sắp xếp lại những bút toán trong kỳ, đã được hạch toán*. Khi qui trình này đưa ra được sự thay đổi rỗng đối với từng tài khoản không phải bằng tiền, chúng ta sẽ có được những thông tin đầy đủ đối với sự thay đổi rỗng về dòng ngân lưu. Nói một cách khác, nếu những nghiệp vụ sau khi được sắp xếp, nói lên được những thay đổi của vế bên phải, đẳng thức cân đối về tiền như thể hiện trong phần *công thức số học* trên, thì tự nó cũng sẽ giải thích được nguyên nhân thay đổi của vế bên trái. Trong quá trình xây dựng bảng số liệu tài khoản chữ T, chúng ta thực hiện những bút toán dạng phân tích, nghĩa là không phải giống như loại bút toán thực tế ghi trong hệ thống sổ sách kế toán hàng ngày của doanh nghiệp. Những bút toán dạng phân tích chỉ

dùng để thể hiện trên bảng số liệu, sau khi đã hoàn tất xong bảng đối chiếu tài khoản chữ T và lập xong báo cáo ngân lưu, vậy là xong phần sự của những bút toán phân tích, không cần đến chúng nữa.

Bảng 5.2 : Công ty SOLINGER ELECTRIC O\CORPORATION.

Phân tích ảnh hưởng của các nghiệp vụ trong năm 4 đối với các tài khoản bằng tiền (C = Cash) và không phải bằng tiền (NCA = Non cash account)

(SE: Stockholder equity: Vốn chủ sở hữu, L = Liability: Nợ, NC: Non cash: Không bằng tiền)

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Tác động đến tiền mặt						
	Thay đổi TK tiền	Thay đổi trên TK không phải tiền					
	ΔC	=	ΔL	+	ΔSE	-	ΔNCA
1) Mua hàng hóa trị giá 70.000, thanh toán chậm, tăng NCA và NCL	0	=	70.000	+	0	-	70.000
2) Bán hàng hóa, giá vốn là 60.000, giá bán là 125.000, trả chậm, tăng NCA: Khoản phải thu: 125.000, giảm NCA: hàng tồn kho : 60.000, tăng SE 65.000	0	=	0	+	65.000	-	125.000 - 60.000
3) Trả lương 19.000, giảm C và SE	-19.000	=		+	-19.000		0
4) Trả chi phí khác , giảm C, giảm SE	-9.000	=	0	+	-9.000	-	0
5) Thu được 90.000 từ khoản phải thu, tăng C và giảm NCA : Khoản phải thu	90.000	=	0	+		-	-90.000
6) Thanh toán cho nhà cung cấp 50.000, giảm C và L	-50.000	=	-50.000	+		-	0
7) Tích lũy và thanh toán lại trên trái phiếu phải trả 4.000, giảm C và SE.	- 4000	=	0	+	- 4.000	-	0
8) Cộng dồn lương phải thanh toán nhưng chưa thanh toán tính đến 31/12 :1.000, Tăng L, giảm SE	0	=	1000	+	-1.000	-	0
9) Tích lũy chi phí khác phát sinh nhưng chưa thanh toán đến 31/12: 2.000Tăng L, giảm SE	0	=	2.000	+	-2.000	-	0
10) Ghi nhận khấu hao trong năm 4 là 10.000, giảm SE và NCA.	0	=	0	+	-10.000	-	- 10.000
<u>T.C thay đổi từ hoạt động KD</u>	<u>8.000</u>	=	<u>23.000</u>	+	<u>20.000</u>	-	<u>35.000</u>
11) Phát hành vay dài hạn 100.000 , tăng C và L.	100.000	=	100.000	+	0	-	0
12) Công bố và trả cổ tức 8.000, giảm C và SE	-8.000	=	0	+	-8.000	-	0
13) Mua thiết bị trị giá 125.000 thanh toán ngay, giảm C, tăng NCA.	- 125.000	=	0	+	0	-	125.000

<u>Thay đổi ròng trong C (Tài khoản bằng tiền) và NCA (tài khoản không phải bằng tiền)</u>	-25.000	=	123.000	+	12.000	-	160.000
--	----------------	----------	----------------	----------	---------------	----------	----------------

Bảng 5.3: Công ty Solinger Electric

Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/ năm 3 và năm 4.

(Đơn vị tính: đô la)

	31/12	
	Năm 3	Năm 4
TÀI SẢN:		
Tài sản lưu động		
Tiền.....	30.000	5.000
Khoản phải thu.....	20.000	55.000
Hàng hóa tồn kho	<u>40.000</u>	<u>50.000</u>
Tổng cộng tài sản lưu động.....	90.000	110.000
Tài sản cố định		
Nhà xưởng & Thiết bị (Nguyên giá).....	100.000	225.000
Khấu hao tích lũy.....	<u>(30.000)</u>	<u>(40.000)</u>
Tổng cộng tài sản cố định.....	<u>70.000</u>	<u>185.000</u>
Tổng cộng tài sản.....	160.000	295.000
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Nợ ngắn hạn		
Nợ phải trả người bán.....	30.000	50.000
Nợ phải trả khác.....	10.000	12.000
Lương phải trả.....	<u>5.000</u>	<u>6.000</u>
Tổng cộng nợ ngắn hạn.....	45.000	68.000
Nợ dài hạn		
Trái phiếu phải trả.....	0	100.000
Vốn chủ sở hữu		
Cổ phiếu thường.....	100.000	100.000
Lợi nhuận giữ lại.....	<u>15.000</u>	<u>27.000</u>
Tổng cộng vốn chủ sở hữu.....	115.000	127.000
Tổng cộng nợ và vốn chủ sở hữu.....	160.000	295.000

Bảng 5.4: Công ty Solinger Electric - Bảng số liệu Tài khoản chữ T

Tiền					
		✓	30.000		
		Hoạt động kinh doanh			
		Đầu tư			
		Tài chính			
		✓	5.000		
		Nhà xưởng và máy móc (chi phí)			
Khoản phải thu		Tồn kho			
✓	20.000	✓	40.000	✓	100.000
✓	55.000	✓	50.000	✓	225.000
		Khoản phải trả - Các nhà cung cấp		Khoản phải trả khác	
Tích lũy khấu hao					
	30.000	✓	30.000	✓	10.000
	40.000	✓	50.000	✓	12.000
Khoản phải trả lương		Khoản phải trả trái phiếu		Thu nhập gửi lại	
	5.000	✓	0	✓	15.000
	6.000	✓	100.000	✓	27.000

Việc sắp xếp những nghiệp vụ trong năm thường được kế toán thực hiện dễ dàng hơn, thuận tiện cho việc có thêm thông tin. Giả sử những thông tin sau đây liên quan đến hoạt động của công ty Solinger Electric Corporation trong năm 4:

1. Lợi nhuận ròng 20.000 đô la
2. Chi phí khấu hao 10.000 đô la
3. Tổng cổ tức công bố và chia cho cổ đông 8.000 đô la

Những bút toán phân tích ghi lại những thông tin liên quan đến lợi nhuận ròng như sau:

(1) Tiền (Hoạt động: Lợi nhuận ròng).....	20.000
Lợi nhuận giữ lại.....	20.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T	

Để hiểu được bút toán phân tích này, hãy xem lại qui trình ghi chép doanh thu và chi phí và các bút toán khoá sổ các tài khoản trung gian này trong chương 3. Tất cả những bút toán hàng ngày được tập hợp lại để đưa đến kết quả lợi nhuận ròng là 20.000 đô la tương đương với một bút toán dưới đây:

Tài sản ròng (= Tổng tài sản - Tổng nợ phải trả)	20.000
Lợi nhuận giữ lại.....	
20.000	
Bút toán tổng hợp tương đương để ghi nhận khoản lợi tức 20.000	

Bút toán tổng hợp ghi nợ Tài Sản ròng. Ở giai đoạn này của quá trình lập báo cáo ngân lưu, chúng ta giả định tất cả những tài sản ròng thu được dưới hình thức lợi nhuận đều là tiền. Như vậy, đối với bút toán phân tích (1), việc ghi nợ thể hiện, từ hoạt động kinh doanh tiền mặt tạm tăng lên một khoản bằng với khoản lợi nhuận ròng phát sinh trong kỳ (hãy luôn nhớ rằng đây là loại bút toán phân tích, chúng ta chỉ ghi nhận bút toán (1) trong bảng số liệu riêng nhằm sắp xếp lại các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ ảnh hưởng đến sự biến động của dòng ngân lưu).

Không phải tất cả các khoản mục chi phí được trừ khi tính thu nhập đều làm giảm lượng tiền (xem bảng 5.1), để tính được ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh, chúng ta phải cộng thêm vào khoản tiền tạm tăng này số tiền tương đương với khoản chi phí không thanh toán bằng tiền. Ví dụ, một khoản chi phí không ảnh hưởng đến dòng tiền thanh toán trong kỳ là chi phí khấu hao, minh họa trong bút toán (2)

(2) Tiền (Hoạt động kinh doanh: Cộng lại chi phí khấu hao).....	10.000
Khấu hao tích lũy.....	10.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng số liệu tài khoản chữ T	

Khoản chi phí khấu hao được trừ ra khi tính lợi nhuận ròng không làm giảm lượng tiền trong kỳ. Khi tính dòng ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh, bằng bút toán phân tích, chi phí khấu hao được cộng vào kết quả lợi nhuận ròng.

Tiếp theo, ghi lại thông tin bổ sung liên quan đến việc công bố và chia cổ tức 8.000 đô la như sau:

(3) Lợi nhuận giữ lại.....	8.000
Tiền (Hoạt động tài chính: Chia cổ tức).....	8.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T	

Chia cổ tức đã làm giảm lợi nhuận để lại và giảm tiền. Như đã thảo luận trong phần trước, trên báo cáo ngân lưu, chia cổ tức là hoạt động tài chính.

Khi bảng đối chiếu tài khoản chữ T thể hiện những thông tin bổ sung, chúng ta phải giải thích lý do thay đổi các tài khoản không phải bằng tiền trên Bảng cân đối kế toán. (Đối với việc lập báo cáo ngân lưu trong một doanh nghiệp thực thụ, người lập có thể không cần phải chú thích vì có thể mọi thay đổi của từng tài khoản đã được thể hiện trên báo cáo kế toán của doanh nghiệp). Các thay đổi của những tài khoản không phải bằng tiền được giải thích như sau (theo thứ tự trong Bảng cân đối kế toán):

Tài khoản Các khoản phải thu tăng 35.000 đô la, bút toán phân tích ghi lại thông tin này trên bảng số liệu như sau:

(4) Các khoản phải thu.....	35.000
Tiền (Hoạt động kinh doanh : Trừ).....	35.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T	

Hoạt động kinh doanh trong kỳ đã phát sinh doanh thu, nhưng không phải tất cả doanh thu đều làm tăng tiền. Một phần doanh thu đã làm tăng các khoản phải thu. Do chúng ta bắt đầu lập báo cáo ngân lưu từ lợi nhuận ròng nên tạm thời giả định là tất cả doanh thu đều được thu bằng tiền mặt, để có thể tính được số tiền thực tế thu được từ hoạt động kinh doanh, chúng ta phải trừ ra khoản doanh thu không tạo nên tiền (có nghĩa là phần doanh thu chưa thu tiền từ khách hàng).

Một thay đổi trong tài khoản không phải bằng tiền khác là tài khoản tồn kho hàng hóa, trị giá tăng trong kỳ là 10.000 đô la, do doanh nghiệp phát triển hoạt động kinh doanh, số hàng hóa được mua cũng tăng theo. Bút toán phân tích trong bảng số liệu giải thích thay đổi trong tồn kho hàng hóa như sau:

(5) Hàng hóa tồn kho.....	10.000
Tiền (Hoạt động kinh doanh: Trừ).....	10.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T	

Công ty Solinger Electric Corporation thấy rằng cần thiết phải tăng hàng tồn kho để có thể đáp ứng được khả năng tăng doanh thu trong tương lai. Việc giảm tiền do tăng hàng tồn kho là hoạt động bình thường trong kinh doanh. Trong quá trình lập báo cáo ngân lưu, chúng ta giả định là doanh nghiệp đã thanh toán ngay tất cả việc mua hàng bằng tiền. Phần sau, chúng ta sẽ điều chỉnh các khoản mua không thanh toán ngay (sẽ được thanh toán sau), hoặc các khoản mua thanh toán trước khi nhận hàng (đã sử dụng trong kỳ kế toán trước). Do chúng ta bắt đầu báo cáo ngân lưu bằng lợi nhuận ròng, để có được số tiền thu chi thực tế từ hoạt động kinh doanh, trong số lợi nhuận ròng, chúng ta phải trừ đi phần giá trị hàng tồn kho tăng lên trong kỳ (nghĩa là, phần mua vượt quá giá trị hàng bán).

Tài khoản không phải bằng tiền kế tiếp là nhà xưởng và thiết bị, tài khoản này tăng ròng số tiền là 125.000 đô la (= 225.000 - 100.000). Do chúng ta không có một thông tin nào khác, chúng ta phải giả định là công ty Solinger Electric Corporation đã mua số nhà xưởng và thiết bị trong kỳ trị giá 125.000 đô la. Bút toán phân tích thể hiện như sau :

(6) Nhà xưởng và thiết bị (nguyên giá).....	125.000
Tiền (Hoạt động đầu tư: Mua nhà xưởng thiết bị).....	125.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T	

Tài khoản không phải bằng tiền kế tiếp có thay đổi là tài khoản phải trả - Nợ nhà cung cấp hàng hóa. Do giá trị hàng hóa tồn kho tăng lên, nợ phải trả nhà cung cấp cũng tăng lên. Bút toán phân tích giải thích việc tăng số tiền phải trả nhà cung cấp như sau :

(7) Tiền (Hoạt động kinh doanh: Tăng).....	20.000
Nợ phải trả nhà cung cấp hàng hóa.....	20.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T	

Thường khi mua hàng cần phải thanh toán tiền, phía trên chúng ta đã giả định trong kỳ doanh nghiệp thanh toán ngay bằng tiền tất cả các khoản mua hàng. Những nhà cung cấp chấp nhận phương thức thanh toán sau khi đã giao hàng hoặc sau khi cung cấp dịch vụ, thực tế chính là đã tài trợ tiền cho doanh nghiệp. Như vậy, tăng khoản phải trả là kết quả của tăng hàng hóa tồn kho nhưng không giảm tiền. Điều này cũng tương đương với cách nói rằng việc tăng khoản phải trả chính là được tài trợ tiền, cho dù chỉ là thời gian ngắn. Kế toán ghi nhận tăng tiền từ do tăng khoản phải trả đối với hàng tồn kho là nguồn vốn phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Tài khoản không phải bằng tiền kế tiếp có thay đổi là Các khoản phải trả khác - Nợ nhà cung cấp khác. Cùng với sự phát triển hoạt động kinh doanh, số nợ đối với các chủ nợ khác cũng tăng lên. Bút toán phân tích giải thích việc tăng số tiền phải trả khác như sau:

(8) Tiền (Hoạt động kinh doanh: Tăng).....	2.000
Nợ phải trả nhà cung cấp khác.....	2.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T	

Các giải thích đối với bút toán phân tích này cũng tương tự như với bút toán (7). Những chủ nợ đồng ý cho doanh nghiệp tăng số nợ lên, thực chất chính là cung ứng vốn cho doanh nghiệp.

Cũng có thể giải thích tương tự như vậy đối với tăng nợ lương phải trả, một tài khoản không phải bằng tiền kế tiếp. Bút toán phân tích giải thích việc tăng khoản lương phải trả như sau:

(9) Tiền (Hoạt động kinh doanh: Tăng).....	1.000
Lương phải trả.....	1.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T	

Nhân viên không yêu cầu phải thanh toán lương ngay cũng chính là đã cung ứng vốn cho người thuê nhân viên, chỉ ít là trong một thời gian ngắn.

Tài khoản không phải tiền cuối cùng là Trái phiếu phải trả. Có sự thay đổi trong năm là tăng thuần một khoản 100.000 đô la mà không được giải thích. Trường hợp này, có thể giả định là trong năm, doanh nghiệp đã phát hành trái phiếu dài hạn. Bút toán phân tích như sau:

(10) Tiền (Hoạt động tài chính tăng).....	100.000
Nợ trái phiếu phải trả.....	100.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T	

Bảng 5.5 thể hiện bảng đối chiếu tài khoản chữ T hoàn chỉnh của công ty Sonlinger Electric Corporation trong năm 4. Tổng cộng 10 bút toán phân tích giải thích tất cả những thay đổi trong những tài khoản không phải bằng tiền.

Bước 4: Công việc cuối cùng là chuẩn bị hình thức cho một báo cáo ngân lưu. Bảng 5.6 thể hiện báo cáo ngân lưu của công ty Solinger Electric Corporation, sử dụng những thông tin lấy từ bảng đối chiếu tài khoản chữ T đã được hoàn tất.

Trước hết, báo cáo cho thấy dòng ngân lưu được tạo ra trong quá trình kinh doanh. Bắt đầu là lợi nhuận ròng: Doanh thu trừ (-) Chi phí. Sau đó, do báo cáo ngân lưu bao gồm các khoản **doanh thu đã thu tiền** và **chi phí đã trả tiền**, hơn là doanh thu và chi phí, chúng ta phải trừ ra các khoản doanh thu không thực tế thu tiền cũng như cộng thêm các khoản chi phí thực tế chưa chi trả tiền. Kế toán, theo chỉ đạo của FASB, gọi đây là phương pháp gián tiếp cho việc lập báo cáo ngân lưu từ hoạt động kinh doanh. Một phương án khác lập báo cáo ngân lưu bằng cách liệt kê tất cả hoạt động kinh doanh đã tạo ra tiền, sau đó là tất cả chi phí đã thanh toán bằng tiền. Đây là phương pháp tính dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh bằng phương pháp trực tiếp. Hình thức theo phương pháp này thể hiện cột bên phải, bảng 5.1.

Chi phí khấu hao không phải là nguồn cung ứng tiền: Theo phương pháp gián tiếp, chi phí khấu hao được **cộng** trở lại vào lợi nhuận ròng để tính dòng ngân lưu phát sinh từ hoạt động kinh doanh, người đọc báo cáo tài chính có thể ngộ nhận là chi phí khấu hao cũng là nguồn cung ứng tiền. Tuy nhiên, theo thể hiện trong bảng 5.2, chi phí khấu hao không ảnh hưởng đến tiền. Giảm tài sản không phải bằng tiền, dẫn đến giảm vốn chủ sở hữu. Tiền có được từ hoạt động kinh doanh là từ việc bán hàng. Nếu doanh nghiệp không có doanh thu, sẽ không có tiền phát sinh từ hoạt động kinh doanh, cho dù chi phí khấu hao của doanh nghiệp có cao bao nhiêu đi chăng nữa.

Để có thể hiểu được ý nghĩa **khấu hao không tạo ra tiền**, nhìn lại báo cáo thu nhập của công ty Solinger Electric Corporation (bảng 5.1) và phần hoạt động kinh doanh trong báo cáo ngân lưu (bảng 5.6). Bảng 5.7 sắp xếp lại dưới hình thức cô đọng hơn. Trong lúc này, chúng ta bỏ qua yếu tố thuế thu nhập. Giả định khấu hao của năm 4 là 25.000 đô la thay vì 10.000 đô la, báo cáo thu nhập và báo cáo ngân lưu tóm tắt sẽ thể hiện như bảng 5.8. Lưu ý là tổng cộng lượng tiền đã được tạo ra trong quá trình kinh doanh, nghĩa là tiền thu được từ bán hàng trừ đi các khoản chi phí thực tế đã thanh toán bằng tiền, vẫn là 8.000 đô la. Nghiệp vụ liên quan đến tài cố định chỉ ảnh hưởng đến tiền khi: (1) doanh nghiệp mua tài sản cố định, và (2) doanh nghiệp bán thanh lý tài sản cố định.

Ở mức độ phức tạp hơn, khi tính đến thuế thu nhập, chi phí khấu hao không ảnh hưởng đến dòng tiền tệ, nhưng ảnh hưởng đến lợi nhuận ròng trong báo cáo tài chính, khi giảm trừ chi phí, cũng có nghĩa là tăng thu nhập chịu thuế để tính thuế. Khấu hao càng lớn, thu nhập chịu thuế càng nhỏ và số thuế thu nhập phải đóng cũng giảm đi. Trong chương 9, chúng ta sẽ thảo luận tác động của khấu hao đối với thu nhập chịu thuế.

Để tránh những vấn đề khó khăn phải giải trình khi lập báo cáo ngân lưu theo phương pháp gián tiếp, FASB đồng ý cho doanh nghiệp lập báo cáo ngân lưu từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp trực tiếp, nhưng phải lưu ý rằng trong báo cáo tài chính, cần phải đối chiếu **lợi nhuận ròng** với **dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh** (nghĩa là, theo phương pháp gián tiếp).

Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp khi lập báo cáo ngân lưu, sử dụng phương pháp gián tiếp, có thể là do phương pháp này đối chiếu được lợi nhuận ròng và dòng ngân lưu tạo ra từ hoạt động kinh doanh. Để đơn giản các minh họa trong sách này, chúng ta dùng phương pháp gián tiếp cho việc lập báo cáo ngân lưu.

Bảng 5.5 : Công ty Solinger Electric - Bảng đối chiếu tài khoản chữ T

Tiền					
	✓	30.000			
		Hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận ròng	(1)	20.000	35.000	(4)	Tăng tài khoản phải thu
Điều chỉnh khấu hao	(2)	10.000	10.000	(5)	Tăng hàng tồn kho
Tăng khoản phải trả cho nhà cung cấp	(7)	20.000			
Tăng khoản phải trả khác	(8)	2.000			
Tăng khoản phải trả lương	(9)	1.000			

			Hoạt động Đầu tư		
			125.000 (6)		
			Hoạt động Tài chính		
Phát hành trái phiếu dài hạn			(10) 100.000	8.000 (3)	Chia lợi tức
			✓ 5.000		
Khoản phải thu			Tồn kho		Nhà xưởng và máy móc (chi phí)
✓ 20.000			✓ 40.000		✓ 100.000
(4) 35.000			(5) 10.000		(6) 125.000
✓ 55.000			✓ 50.000		✓ 225.000
Tích lũy khấu hao			Khoản phải trả - Các nhà cung cấp		Khoản phải trả khác
	30.000	✓		30.000	✓
	10.000	(2)		20.000	(7)
	40.000	✓		50.000	✓
Khoản phải trả lương			Khoản phải trả trái phiếu		Thu nhập giữ lại
	5.000	✓		0	✓
	1.000	(9)		100.000	(10)
	6.000	✓		100.000	✓
					8.000 15.000 ✓
					20.000 (1)
					27.000 ✓

Chú thích từ ngữ cho bảng 5.4, 5.5, 5.10:

Cash: Tiền

Operation: Hoạt động kinh doanh

Investing : Hoạt động đầu tư.

Financing : Hoạt động tài chính.

Account Receivable: Khoản phải thu

Merchandise inventory: Hàng tồn kho

Buiding and Equipment (Cost): Nhà xưởng & Thiết bị (Nguyên giá)

Accumulated Depreciation: Khấu hao tích lũy

Account Payable - Merchadise Suppliers: Khoản phải trả người bán

Account Payable - Other Suppliers: Khoản phải trả nhà cung cấp dịch vụ.

Salaries payable: Lương phải trả.

Bonds Payable: Trái phiếu phải trả.

Long-Term Bond Issue: Phát hành trái phiếu dài hạn.

Dividends: Cổ tức.

Retained Earnings: Lợi nhuận giữ lại.

Bảng 5.6 : Công ty Solinger Electric - Báo cáo ngân lưu năm 4.

(Đơn vị: đô la)

Hoạt động kinh doanh	
Lợi nhuận ròng.....	20.000
Cộng (+):	
Chi phí khấu hao (không dùng tiền).....	10.000
Tăng trong khoản phải trả:	
Người bán.....	20.000
Khác.....	2.000
Tăng nợ lương phải trả.....	1.000
Trừ (-):	
Tăng trong khoản phải thu.....	(35.000)
Tăng trong hàng tồn kho.....	(10.000)
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh.....	<u>8.000</u>
Hoạt động đầu tư :	
Mua nhà xưởng, thiết bị.....	<u>(125.000)</u>
Hoạt động tài chính	
Chia cổ tức.....	(8.000)
Thu từ phát hành trái phiếu dài hạn.....	<u>100.000</u>
Ngân lưu ròng từ hoạt động tài chính.....	92.000
Ngân lưu ròng trong năm.....	(25.000)
Tồn quỹ 1/1/ Năm 4.....	<u>30.000</u>
Tồn quỹ 31/12/Năm 4.....	5.000

Bảng 5.7: Công ty Solinger Electric - Năm 4, Khấu hao 10.000 đô la

Báo cáo thu nhập		Ngân lưu từ hoạt động kinh doanh	
Doanh thu	125.000	Lợi nhuận ròng	20.000
Chi phí, chưa tính khấu hao	<u>(95.000)</u>	Cộng:	
	30.000	Khấu hao	10.000
Chi phí khấu hao	<u>(10.000)</u>	Tăng khác	23.000
		Trừ	(45.000)
Lợi nhuận ròng	20.000	Ngân lưu từ hoạt động kinh doanh	8.000

Bảng 5.8: Công ty Solinger Electric - Năm 4, Khấu hao 25.000 đô la

Báo cáo thu nhập		Ngân lưu từ hoạt động kinh doanh	
Doanh thu	125.000	Lợi nhuận ròng	5.000
Chi phí, trừ CP khấu hao	<u>(95.000)</u>	Cộng :	
	30.000	Khấu hao	25.000
Chi phí khấu hao	<u>(25.000)</u>	Tăng khác	23.000
		Trừ	(45.000)
Lợi nhuận ròng	5.000	Ngân lưu từ hoạt động kinh doanh	8.000

BÀI TẬP TỰ LUYỆN 5.2

Lập một bảng đối chiếu tài khoản cho báo cáo ngân lưu. Bảng 5.9 là bảng cân đối kế toán của Công ty Robbie vào thời điểm 31/12 của Năm 1 và Năm 2. Trong năm 2 công ty không bán thanh lý tài sản máy móc thiết bị và không chia cổ tức.

Lập một bảng đối chiếu tài khoản để chuẩn bị cho việc lập báo cáo ngân lưu

Bảng 5.9: Công ty ROBBIE CORPORATION

Bảng cân đối kế toán

	<i>Đơn vị tính: đô la</i>	
	31/12/xx	
	Năm 1	Năm 2
TÀI SẢN		
Tài sản lưu động		
Tiền mặt	10	25
Khoản phải thu	15	20
Tồn kho	20	25
Tổng tài sản lưu động	<u>45</u>	<u>70</u>
Tài sản cố định		
Nhà xưởng, máy móc, thiết bị	<u>50</u>	<u>60</u>
Trừ tích lũy khấu hao	<u>(25)</u>	<u>(30)</u>
Tổng Tài sản cố định nhà xưởng, máy móc, thiết bị	<u>25</u>	<u>30</u>
Tổng tài sản	<u>70</u>	<u>100</u>
NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Nợ ngắn hạn		
Khoản phải trả	<u>30</u>	<u>40</u>
Tổng nợ ngắn hạn	30	40
Nợ dài hạn		
Trái phiếu phải trả	<u>10</u>	<u>15</u>
Tổng nợ	<u>40</u>	<u>55</u>
Vốn chủ sở hữu		
Cổ phiếu thông thường	10	20
Thu nhập gửi lại	<u>20</u>	<u>25</u>
Tổng vốn chủ sở hữu	<u>30</u>	<u>45</u>
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	<u>70</u>	<u>100</u>

MỞ RỘNG MINH HỌA

Cho đến nay, mức độ minh họa của bảng báo cáo ngân lưu của công ty Solinger Electric Corporation được trình bày đơn giản hơn bảng báo cáo ngân lưu điển hình thường được công bố rộng rãi ít nhất trong 4 khía cạnh sau:

1. Chỉ có một ít tài khoản trên Bảng cân đối kế toán có sự thay đổi cần giải thích.
2. Không phát sinh các nghiệp vụ phức tạp hơn trong hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng đến dòng ngân lưu.
3. Mỗi nghiệp vụ đề cập trong bước 3 chỉ gồm 1 bút toán Có và 1 bút toán Nợ.
4. Trên bảng đối chiếu tài khoản, trừ tài khoản Lợi nhuận giữ lại, mỗi giải thích của thay đổi trong tài khoản không phải bằng tiền chỉ bao gồm 1 bút toán phân tích.

Đối với các báo cáo ngân lưu được công bố rộng rãi, hầu hết những trường hợp phức tạp cần giải quyết đều liên quan đến những sự kiện kế toán sẽ được thảo luận ở những chương sau, lúc đó những tác động của những hoạt động này đối với báo cáo ngân lưu sẽ được trình bày. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta có thể đề cập đến một trường hợp phức tạp, phát sinh từ thông tin bổ sung.

Giả định trong năm, doanh nghiệp bán một phần nhà xưởng thiết bị với giá trị còn lại trên sổ sách. Có nghĩa là, khi doanh nghiệp thanh lý nhà xưởng thiết bị đang sử dụng, tiền thu được từ thanh lý tài sản bằng với trị giá mua tài sản ban đầu, trừ cho khấu hao tích lũy. Với giả định này, không phát sinh lãi hoặc lỗ do thanh lý tài sản.

Trở lại nhận xét về công ty Solinger Electric Corporation, với ví dụ về thông tin mới sau đây. Trong năm 4, công ty Solinger Electric Corporation bán một số thiết bị, nguyên giá ban đầu là 10.000 đô la, giá thanh lý thiết bị là 3.000 đô la, đã khấu hao tích lũy là 7.000 đô la. Bút toán thực tế thể hiện việc bán thiết bị trong năm được ghi như sau:

Tiền.....	3.000
Khấu hao tích lũy.....	7.000
Nhà xưởng, thiết bị (Nguyên giá)	10.000
<i>Bút toán thể hiện bán thiết bị.</i>	

Giả định Bảng cân đối kế toán như trình bày trong bảng 5.3 là đúng, và số tăng ròng của tiền trong năm 4 vẫn là 25.000 đô la. Để phản ánh thông tin mới này, bút toán trong bảng tài khoản chữ T phải được ghi khác đi. Để ghi nhận tác động của việc bán tài sản này, trên bảng số liệu tài khoản chữ T, bút toán phân tích sau đây sẽ được ghi:

(1a) Tiền (Hoạt động đầu tư: bán thiết bị)	3.000
Khấu hao tích lũy.....	7.000
Nhà xưởng, thiết bị (Nguyên giá)	10.000

Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng đối chiếu tài khoản chữ T

Ghi Nợ tài khoản Tiền (Hoạt động đầu tư: bán thiết bị) thể hiện thu tiền từ bán thiết bị. Từ bút toán phân tích (1a), tài khoản chữ T của Nhà xưởng, thiết bị (nguyên giá) và khấu hao tích lũy sẽ được thể hiện như sau :

<u>Nhà xưởng, thiết bị (nguyên giá)</u>		<u>Khấu hao tích lũy</u>	
100.000	:		30.000
	:	10.000 (1a)	
225.000			40.000

Khi đến lúc cần phải giải thích sự thay đổi của tài khoản Nhà xưởng, thiết bị (Nguyên giá), bảng tài khoản chữ T thể hiện cả tổng trị giá tăng của tài sản là 125.000, và việc giảm tài sản thể hiện qua bút toán ghi Có (1a) số tiền 10.000. Khi giải thích giá trị tăng ròng của nguyên giá nhà xưởng, thiết bị, trong đó đã căn trừ giá trị tài sản giảm. Chúng ta phải giả định trong năm, tổng trị giá thiết bị mới doanh nghiệp đã mua là 135.000 đô la.

Bút toán phân tích được sắp xếp lại để hoàn tất việc giải trình sự thay đổi trong tài khoản này như sau:

(6a) Nhà xưởng và thiết bị (Nguyên giá).....	135.000
Tiền (Hoạt động đầu tư : Mua nhà xưởng, thiết bị	135.000

Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng tài khoản chữ T

Tương tự như vậy, khi đến lúc cần phải giải thích sự thay đổi của tài khoản Khấu hao tích lũy. Để ghi nhận doanh thu do bán tài sản, có hai bút toán phát sinh: Phát sinh Có là 10.000 và phát sinh Nợ 7.000 (1a). Như vậy, tổng chi phí khấu hao cho năm 4 phải là 17.000. Bút toán phân tích được sắp xếp lại để hoàn tất việc giải trình sự thay đổi trong tài khoản khấu hao tích lũy như sau:

(2a) Tiền (Hoạt động đầu tư: Chi phí khấu hao: Cộng thêm)	17.000
Khấu hao tích lũy.....	17.000

Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng số liệu tài khoản chữ T

Bảng 5.10 thể hiện bảng số liệu tài khoản chữ T của công ty Solinger Electric Corporation sau khi bổ sung những thông tin về bán thiết bị.

Một vấn đề phức tạp khác nảy sinh khi doanh nghiệp bán nhà xưởng và thiết bị với giá khác với giá trị còn lại trên sổ sách. Ví dụ, giả định công ty Solinger Electric Corporation bán sổ nhà xưởng, thiết bị nói trên với giá là 2.000 đô la thay vì 3.000. Bút toán thể hiện việc bán thiết bị trong năm như sau:

Tiền.....	2.000
Lỗ do bán thiết bị.....	1.000
Khấu hao tích lũy.....	7.000
Nhà xưởng, thiết bị (Nguyên giá)	10.000
<i>Bút toán thể hiện bán thiết bị.</i>	

Trên bảng tài khoản chữ T, bút toán phân tích ghi nhận tác động của việc bán thiết bị với giá 2.000 đô la như sau:

(1a) Tiền (Hoạt động đầu tư: Bán thiết bị).....	2.000
Tiền (Hoạt động kinh doanh - Lỗ do bán thiết bị: Cộng)	1.000
Khấu hao tích lũy.....	7.000
Nhà xưởng, thiết bị (Nguyên giá)	10.000
<i>Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng số liệu tài khoản chữ T</i>	

Bút toán ghi Nợ tài khoản tiền (Hoạt động đầu tư: Bán thiết bị) thể hiện tăng 2.000 đô la do thu tiền bán thanh lý thiết bị. Bút toán ghi Nợ tài khoản tiền thứ hai (Hoạt động kinh doanh - Lỗ do bán thiết bị: Cộng) cộng trừ lại phần lỗ do bán thiết bị vào lợi nhuận ròng do phần lỗ do thanh lý thiết bị này không ảnh hưởng đến dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh, tương tự như khi ta cộng trở lại chi phí khấu hao, việc ghi Nợ tài khoản tiền này (Hoạt động kinh doanh - Lỗ do bán thiết bị: Cộng) không tạo nên nguồn thu (*bỏ qua yếu tố thuế thu nhập*). Việc cộng trở lại giá trị này đơn thuần chỉ là bù trừ cho số lỗ khi tính lợi nhuận ròng. Cũng có thể cho rằng lỗ khi bán thanh lý thiết bị là dấu hiệu cho thấy doanh nghiệp đã không tính khấu hao đầy đủ qua các kỳ kế toán trước khi bán thiết bị. Nếu doanh nghiệp biết chắc rằng chỉ có thể bán thanh lý thiết bị với giá 2.000 đô la, có thể doanh nghiệp đã tăng chi phí khấu hao lên 1.000 đô la trong thời gian sử dụng thiết bị. Như vậy, việc bán thanh lý thiết bị sẽ không phát sinh lãi hoặc lỗ. Khi tính dòng ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh phát sinh trong kỳ doanh nghiệp sử dụng thiết bị, doanh nghiệp sẽ cộng bổ sung 1.000 chi phí khấu hao vào lợi nhuận ròng.

Mở rộng thêm minh họa cho trường hợp này, giả định rằng công ty Solinger Electric Corporation bán thiết bị với giá 4.000 đô la. Bút toán ghi nhận bán thiết bị thể hiện như sau:

Tiền.....	4.000
Khấu hao tích lũy.....	7.000
Nhà xưởng, thiết bị (Nguyên giá)	10.000
Lãi do bán thiết bị.....	1.000
<i>Bút toán thể hiện bán thiết bị.</i>	

Trên bảng tổng hợp tài khoản chữ T, bút toán phân tích thể hiện tác động của việc bán thiết bị với giá 4.000 đô la như sau:

(1a) Tiền (Hoạt động đầu tư : Bán thiết bị).....	4.000
Khấu hao tích lũy.....	7.000
Nhà xưởng, thiết bị (Nguyên giá)	10.000
Tiền (Hoạt động kinh doanh - Lãi do bán thiết bị: Trừ)	1.000
Bút toán phân tích ghi nhận trên bảng tài khoản chữ T	

Ghi Nợ tài khoản tiền (Hoạt động đầu tư: bán thiết bị), thể hiện nguồn thu 4.000 đô la do bán thiết bị. Ghi Có tài khoản tiền (Hoạt động kinh doanh: Lãi do bán thiết bị: Trừ) giảm lợi nhuận ròng vì lãi do bán thiết bị không tạo nên nguồn thu tiền từ hoạt động kinh doanh. Nếu không giảm 1.000 đô la trong phần ngân lưu từ hoạt động kinh doanh của bảng số liệu, chúng ta sẽ ghi nhận số tiền thu được từ nghiệp vụ này lớn hơn thực tế, phân tích tóm tắt như sau:

Hoạt động kinh doanh	
Lợi nhuận ròng (Lãi do bán thiết bị).....	1.000
Trừ: Lãi do bán thiết bị không tạo nên dòng ngân lưu	
của hoạt động kinh doanh.....	<u>(1.000)</u>
Ngân lưu vào từ hoạt động kinh doanh.....	<u>0</u>
Hoạt động đầu tư	
Bán thiết bị.....	<u>4.000</u>
Thay đổi ngân lưu ròng trong hoạt động đầu tư.....	4.000

Có thể thuyết minh lãi do bán thiết bị như trên đã cho thấy doanh nghiệp đã trích khấu hao quá nhiều trong các kỳ kế toán trước khi bán thiết bị. Nếu doanh nghiệp biết chắc là có thể bán thiết bị với giá 4.000 đô la, trong quá trình sử dụng thiết bị, doanh nghiệp có thể trích khấu hao giảm đi 1.000. Như vậy, việc bán thiết bị sẽ không phát sinh lãi hay lỗ. Trong trường hợp này, khi cộng lại chi phí khấu hao vào lợi nhuận ròng để tính dòng ngân lưu phát sinh từ hoạt động kinh doanh, số khấu hao sẽ giảm 1.000 đô la. Ghi Có 1.000 đô la vào phần hoạt động kinh doanh của bảng đối chiếu tài khoản chữ T đã điều chỉnh giá trị khấu hao trích quá nhiều này.

Bảng 5.10 : Công ty Solinger Electric - Bảng số liệu tài khoản chữ T hiệu chỉnh

Tiền					
	✓	30.000			
Hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận ròng	(1)	20.000	35.000	(4)	Tăng tài khoản phải thu
Điều chỉnh khấu hao	(2a)	17.000	10.000	(5)	Tăng hàng tồn kho
Tăng khoản phải trả cho nhà cung cấp	(7)	20.000			
Tăng khoản phải trả khác	(8)	2.000			
Tăng khoản phải trả lương	(9)	1.000			
Hoạt động Đầu tư					
Doanh thu của máy móc, thiết bị	(1a)	3.000	135.000	(6a)	Sở hữu nhà máy và thiết bị
Hoạt động Tài chính					
Phát hành trái phiếu dài hạn	(10)	100.000	8.000	(3)	Chia lợi tức
	✓	5.000			
Khoản phải thu		Tồn kho		Nhà xưởng và máy móc (chi phí)	
✓ 20.000		✓ 40.000		✓ 100.000	
(4) 35.000		(5) 10.000		(6a) 135.000	10.000 (1a)
✓ 55.000		✓ 50.000		✓ 225.000	
Tích lũy khấu hao		Khoản phải trả - Các nhà cung cấp		Khoản phải trả khác	
	30.000 ✓		30.000 ✓		10.000 ✓
(1a) 7.000	17.000 (2a)		20.000 (7)		2.000 (8)
	40.000 ✓		50.000 ✓		12.000 ✓
Khoản phải trả lương		Khoản phải trả trái phiếu		Thu nhập gửi lại	
	5.000 ✓		0 ✓		15.000 ✓
	1.000 (9)		100.000 (10)	8.000	20.000 (1)
	6.000 ✓		100.000 ✓		27.000 ✓

KHÍA CẠNH QUỐC TẾ KHÁC.

Điều 7 của Ủy Ban chuẩn mực kế toán quốc tế³ khuyến nghị, nên trình bày báo cáo ngân lưu gồm 3 phần: ngân lưu từ hoạt động kinh doanh, từ hoạt động đầu tư và từ hoạt động tài chính. Ở một vài nước, tiêu chuẩn này được các cơ quan soạn thảo tiêu chuẩn chấp nhận. Theo đó, các doanh nghiệp lập báo cáo ngân lưu theo hình thức được minh họa trong chương này. Vài nước khác trì hoãn việc áp dụng theo hình thức này, thay vào đó họ thường trình bày theo cách báo cáo nguồn tiền thu được và mục đích sử dụng tiền. Báo cáo nguồn tiền và sử dụng tiền, gọi tắt là báo cáo thu chi quỹ, khác với báo cáo ngân lưu trong 2 khía cạnh quan trọng:

1. Trong báo cáo thu chi, "quỹ" được định nghĩa bao gồm tiền và các hình thức tương đương tiền. Ở vài nước, "quỹ" bao gồm tiền và các loại chứng khoán mua bán được, trừ cho các khoản vay ngắn hạn. Ở một vài nước khác, nguồn quỹ bao gồm tài sản lưu động trừ nợ ngắn hạn, hoặc là **vốn lưu động ròng**. Ngoài ra, một số nước khác còn có những định nghĩa khác về "quỹ".
2. Báo cáo quỹ thu chi không phân loại các khoản mục theo hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thay vào đó, doanh nghiệp trình bày tất cả nguồn thu, tiếp theo là tất cả nguồn chi, cuối cùng tổng nguồn thu trừ (-) tổng nguồn chi để có được thay đổi ròng trong quỹ ở trong kỳ.

Nhà phân tích có thể sắp xếp lại báo cáo quỹ thu chi để trình bày lại theo hình thức báo cáo ngân lưu. Phần trái của bảng 5.12 thể hiện nguồn tiền và mục đích sử dụng tiền của công ty quảng cáo Nhật: Dentsu, Inc. Phần trên cùng của bảng thể hiện tổng nguồn thu trừ tổng chi trong năm giảm 1.607¥. Phần dưới thể hiện thay đổi của từng khoản mục tài sản lưu động và khoản nợ ngắn hạn, tổng cộng thay đổi các khoản mục là giảm 1.607¥.

Phía bên phải của bảng 5.12 phân loại từng khoản mục nguồn thu và chi của vốn lưu động vào một trong ba hoạt động của doanh nghiệp trên báo cáo ngân lưu: Hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Lưu ý rằng báo cáo ngân lưu cũng phân loại thay đổi trong từng tài khoản vốn lưu động hơn là chỉ ghi nhận dòng ngân lưu vào một trong ba loại hình hoạt động này. Phần lớn tài khoản vốn lưu động liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty. Như thảo luận trong phần sau của chương này, báo cáo ngân lưu phân loại những thay đổi dòng ngân lưu do hoạt động mua bán chứng khoán vào hoạt động đầu tư, thay đổi do vay ngân hàng vào hoạt động tài chính. Thay đổi dòng ngân lưu do kết quả của hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính thể hiện như sau :

Hoạt động kinh doanh.....	9.306¥
Hoạt động đầu tư.....	(17.829)
Hoạt động tài chính.....	<u>1.316</u>
Tổng cộng ngân lưu giảm	7.207¥

³ **IASC:** International Accounting Standards Board.

SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO NGÂN LƯU

Báo cáo ngân lưu cung cấp những thông tin giúp cho người đọc (1) đánh giá tác động của các hoạt động của doanh nghiệp đối với khả năng thanh toán bằng tiền của doanh nghiệp và (2) và đánh giá mối quan hệ giữa các dòng ngân lưu phát sinh từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính.

TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐẾN KHẢ NĂNG THANH KHOẢN.

Có lẽ, một yếu tố quan trọng nhất đã không được thể hiện trên Bảng cân đối kế toán cũng như báo cáo thu nhập là các hoạt động kinh doanh trong kỳ đã ảnh hưởng đến dòng ngân lưu như thế nào. Gia tăng lợi nhuận không luôn luôn làm tăng dòng ngân lưu. Do lợi nhuận không tương ứng với dòng ngân lưu, một doanh nghiệp hoạt động phát triển và thành công có thể phát sinh tăng các khoản phải thu, hàng tồn kho. Mặt khác, gia tăng dòng ngân lưu cũng có thể kèm theo giảm lợi nhuận. Chẳng hạn, một doanh nghiệp gặp phải khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên thu hẹp phạm vi hoạt động, những doanh nghiệp như vậy thường có báo cáo giảm thu nhập, thậm chí có thể bị lỗ. Tuy nhiên, doanh nghiệp có thể có được dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh dương do nguồn thu từ các khoản phải thu tồn đọng của những kỳ hoạt động trước, nhưng lại không tăng hàng tồn kho, như vậy doanh nghiệp đã tiết giảm được lượng tiền chi ra.

BÀI TẬP TỰ LUYỆN 5.3

Lập báo cáo ngân lưu

Bảng 5.11 là bảng cân đối kế toán của công ty Gordon thời điểm 31/12 Năm 1 và Năm 2. Các thông tin trong Năm 2 được cho dưới đây (đơn vị tính: đô la):

1. Lãi ròng 200.000
2. Chia cổ tức 120.000
3. Khấu hao trong kỳ 80.000
4. Công ty bán thanh lý nhà xưởng, thiết bị có nguyên giá 55.000, khấu hao tích lũy 40.000, giá bán 10.000
 - a. Lập bảng đối chiếu tài khoản để chuẩn bị cho báo cáo ngân lưu
 - b. Lập báo cáo ngân lưu

Bảng 5.11: Công ty GORDON CORPORATION
Bảng đối chiếu tài khoản chữ T điều chỉnh

(Đơn vị tính: đô la)

	<u>31/12/xx</u>	
	Năm 1	Năm 2
TÀI SẢN		
Tài sản lưu động		
Tiền mặt	70	40
Khoản phải thu	320	420
Tồn kho	360	470
Trả trước	<u>50</u>	<u>70</u>
Tổng tài sản lưu động	<u>800</u>	<u>1.000</u>
Tài sản cố định nhà xưởng, máy móc, thiết bị		
Đất đai	200	250
Nhà xưởng, máy móc, thiết bị (ròng của tích lũy khấu hao của 800 và 840)	<u>1.000</u>	<u>1.150</u>
Tổng Tài sản cố định nhà xưởng, máy móc, thiết bị	<u>1.200</u>	<u>1.400</u>
Tổng tài sản	<u>2.000</u>	<u>2.400</u>
NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Nợ ngắn hạn		
Khoản phải trả	320	440
Thuế thu nhập phải trả	60	80
Nợ ngắn hạn khác	<u>170</u>	<u>360</u>
Tổng nợ ngắn hạn	550	880
Nợ dài hạn		
Trái phiếu phải trả	<u>250</u>	<u>200</u>
Tổng nợ	<u>800</u>	<u>1.080</u>
Vốn chủ sở hữu		
Cổ phiếu thông thường	500	540
Thu nhập gửi lại	<u>700</u>	<u>780</u>
Tổng vốn chủ sở hữu	<u>1.200</u>	<u>1.320</u>
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	<u>2.000</u>	<u>2.400</u>

Bảng 5.12: Sắp xếp lại từ báo cáo nguồn quỹ thu – chi của công ty Dentsu thành báo cáo ngân lưu cho năm thứ 8 (Đơn vị tính: Triệu ¥):

Theo báo cáo		Sắp xếp lại		
Nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh		Kinh doanh	Đầu tư	Tài chính
Lợi nhuận ròng	8,244	8,244		
Những khoản mục không ảnh hưởng vốn lưu động:				
- Khấu hao	1,874	1,874		
- Điều chỉnh cộng khác	3,143	3,143		
Vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh	13,261			
Tăng trong nợ vay dài hạn	377			377
Tổng cộng nguồn vốn	13,638			
Cách sử dụng vốn				
Bổ sung bất động sản, thiết bị, nhà xưởng	2,093		(2,093)	
Tăng tài sản vô hình	11,943		(11,943)	
Giảm trong nợ vay dài hạn	617			(617)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	592			(592)
Tổng cộng sử dụng	15,245			
Giảm vốn lưu động	(1,607)			
Thay đổi trong vốn lưu động: tăng (giảm) tài sản lưu động:				
Tiền mặt	(7,207)			
Chứng khoán ngắn hạn	3,793		(3,793)	
Khoản phải thu	28,544	(28,544)		
Hàng tồn kho	7,999	(7,999)		
Các khoản trả trước	(1,001)	1,001		
	32,128			
Tăng (giảm) trong nợ ngắn hạn:				
Vay ngân hàng	2,148			2,148
Khoản phải trả người bán	25,920	25,920		
Nợ ngắn hạn khác	5,667	5,667		
	33,735			
Giảm trong vốn lưu động	1,607			
Thay đổi trong tồn quỹ tiền mặt	(7,207)	9,306	(17,829)	1,316

* Ghi chú: $9.306 + (17.829) + 1.316 = (7.207)$

QUAN HỆ GIỮA CÁC DÒNG NGÂN LƯU TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.

Mối quan hệ giữa các dòng ngân lưu với mỗi hoạt động trong ba hoạt động chính của doanh nghiệp thường khác nhau tùy theo đặc tính sản phẩm kinh doanh của doanh nghiệp và sự thâm niên của ngành công nghiệp mà doanh nghiệp đó hoạt động. Hãy xem xét từng trường hợp trong 4 mô hình của các dòng ngân lưu sau đây:

Ngân lưu từ	A	B	C	D
Hoạt động kinh doanh.....	(3)	7	15	8
Hoạt động đầu tư.....	(15)	(12)	(8)	(2)
Hoạt động tài chính.....	<u>18</u>	<u>5</u>	<u>(7)</u>	<u>(6)</u>
Ngân lưu ròng	0	0	0	0

Trường hợp A: là hình ảnh điển hình của doanh nghiệp mới, đang phát triển nhanh chóng. Công ty hoạt động chưa có lãi, khoản phải thu và hàng tồn kho tăng. Kết quả là dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh là số âm. Để duy trì sự phát triển nhanh chóng, doanh nghiệp phải đầu tư nhiều vào nhà xưởng và thiết bị. Trong suốt giai đoạn này, doanh nghiệp cần phải dựa vào nguồn tài chính từ bên ngoài để đáp ứng vốn cho cả hoạt động kinh doanh lẫn hoạt động đầu tư.

Trường hợp B: thể hiện dòng ngân lưu của doanh nghiệp tương đối lâu năm hơn ở trường hợp A nhưng vẫn là doanh nghiệp đang phát triển. Hoạt động có hiệu quả, nhưng tốc độ phát triển đã bắt đầu chậm lại, doanh nghiệp tạo được dòng ngân lưu dương từ hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên nguồn ngân lưu vào từ hoạt động kinh doanh ít hơn số tiền cần có để mua thêm nhà xưởng và thiết bị, do đó doanh nghiệp cần có nguồn tài trợ từ bên ngoài.

Trường hợp C: Thể hiện mẫu ngân lưu của doanh nghiệp đã trưởng thành, ổn định, tạo được dòng ngân lưu lành mạnh từ hoạt động kinh doanh: Ngân lưu vào nhiều hơn lượng cần thiết để mua thêm nhà xưởng, thiết bị mới. Doanh nghiệp đã dùng lượng ngân lưu dồi dào để trả nợ vay của kỳ trước và, có thể, đã chia cổ tức.

Trường hợp D: Hoạt động của doanh nghiệp đang ở giai đoạn đầu của sự thoái hóa: Dòng ngân lưu phát sinh trong kỳ vẫn là số dương nhưng bắt đầu giảm, nguyên nhân là do doanh nghiệp giảm khoản phải thu và giảm tồn kho. Doanh nghiệp cũng giảm đáng kể đầu tư do ngành công nghiệp hoạt động đang xuống dốc. Doanh nghiệp đã sử dụng một phần dòng ngân lưu tạo được để trả nợ vay, nguồn vốn còn lại đầu tư vào sản phẩm mới hoặc vào ngành công nghiệp khác.

Tất nhiên, bốn hình thức nói trên không bao gồm tất cả các dạng ngân lưu thấy được qua các báo cáo tài chính của những công ty. Chúng chỉ minh họa cho thấy ảnh hưởng của tính chất

sản phẩm, và ngành công nghiệp mà doanh nghiệp đang hoạt động, có thể tác động lên cách diễn giải các thông tin của báo cáo ngân lưu như thế nào.

Bảng 5.13 trình bày bảng ngân lưu của công ty Sun Microsystem qua 4 năm gần đây. Thu nhập và tài sản cố định tăng nhanh đã gợi lên rằng doanh nghiệp đang hoạt động trong một thị trường đang phát triển nhanh. Lợi nhuận ròng được cộng thêm chi phí khấu hao lớn đã cho thấy đây là doanh nghiệp sử dụng tương đối nhiều vốn. Trong năm 5 và năm 6, dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là số âm, cho dù trong những năm này, lợi nhuận ròng là số dương. Tài khoản phải thu và hàng tồn kho tăng lên đã gây ra dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh là số âm. Dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh đã chuyển thành số dương trong năm 7 và 8. Tuy nhiên, trong tất cả các năm, dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh không cung ứng đủ nguồn tài chính cần thiết mà công ty Sun cần để tài trợ cho việc mua tài sản cố định. Công ty Sun Microsystem đã tìm nguồn tài trợ cho những hoạt động đầu tư này từ việc phát hành thêm cổ phiếu thường và vay dài hạn.

Việc thuyết minh báo cáo ngân lưu đòi hỏi sự hiểu biết về đặc tính kinh tế của ngành công nghiệp mà doanh nghiệp đang hoạt động. Thường thì việc nghiên cứu báo cáo ngân lưu qua biến động của vài năm sẽ nhận được nhiều thông tin hơn là chỉ nghiên cứu số liệu theo từng năm riêng lẻ.

Bảng 5.13 : Công ty SUN MICROSYSTEM - Báo cáo ngân lưu
(Đơn vị tính: triệu đô la)

	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8
Hoạt động kinh doanh (HĐKD)				
Lợi nhuận ròng	6	12	36	66
Khấu hao	<u>4</u>	<u>6</u>	<u>25</u>	<u>51</u>
Vốn lưu động cho HĐKD	10	18	61	117
(Tăng) Giảm trong khoản phải thu	(18)	(24)	(58)	117
(Tăng) Giảm trong hàng tồn kho	(16)	(21)	(32)	(77)
(Tăng) Giảm tài sản lưu động khác	(1)	(18)	(31)	30
Tăng (Giảm) khoản phải trả-t/mại	4	21	33	58
Tăng (Giảm) nợ ngắn hạn khác	<u>9</u>	<u>6</u>	<u>35</u>	<u>52</u>
Ngân lưu ròng từ HĐKD	(12)	(18)	8	3

Hoạt động đầu tư (HĐĐT)

Mua tài sản cố định	(15)	(36)	(76)	(117)
Đầu tư khác	<u>(2)</u>	<u>(2)</u>	<u>(23)</u>	<u>(32)</u>
Ngân lưu từ HĐĐT	(17)	(38)	(99)	(149)

Hoạt động tài chính (HĐTC)

Tăng trong nợ vay ngắn hạn	3	11	21	0
Tăng trong nợ vay dài hạn	5	1	121	0
Phát hành cổ phiếu thường	45	47	96	63
Giảm trong nợ vay ngắn hạn	0	0	0	(6)
Giảm trong nợ vay dài hạn	(1)	(2)	0	0
Nghiệp vụ tài chính khác	<u>3</u>	<u>3</u>	<u>0</u>	<u>0</u>
Ngân lưu từ HĐTC	55	60	238	57
Thay đổi ròng trong tiền mặt	26	4	147	(89)
Tiền mặt tồn quỹ đầu kỳ (1/1)	4	30	34	181
Tiền mặt tồn quỹ cuối kỳ (31/12)	30	34	181	92

TÓM TẮT

Báo cáo ngân lưu thể hiện tác động của các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính đối với dòng ngân lưu của doanh nghiệp. Các thông tin từ báo cáo ngân lưu giúp chúng ta có được những thông tin như:

1. Hoạt động kinh doanh đã tác động đến khả năng thanh khoản của doanh nghiệp thế nào.
2. Mức độ huy động vốn cần thiết để cung cấp cho doanh nghiệp tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng, và
3. Những thay đổi chủ yếu trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Để lập báo cáo ngân lưu, cần phải phân tích các thay đổi của những tài khoản trên Bảng cân đối kế toán trong kỳ kế toán. Kiểm tra kỹ lưỡng các bút toán ghi nhận những nghiệp vụ phát sinh bằng cách tính lại: thay đổi ròng trong tài khoản tiền mặt sẽ bằng với thay đổi ròng của những tài khoản không phải bằng tiền. Sắp xếp lại các bút toán của các tài khoản không phải bằng tiền và giải thích thay đổi ròng trong kỳ cũng đồng thời giải thích thay đổi trong những tài khoản tiền mặt.

Báo cáo ngân lưu thường được lập theo phương pháp gián tiếp, bắt đầu từ lợi nhuận ròng trong kỳ. Sau đó, điều chỉnh các khoản thu chi không bằng tiền mặt, các chi phí không thanh toán bằng tiền và những thay đổi trong tài khoản vốn lưu động. Kết quả có được là dòng ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh. Cũng có vài doanh nghiệp tính ngân lưu từ hoạt động kinh

doanh theo phương pháp trực tiếp: Liệt kê tất cả các nguồn thu nhập tạo ra tiền, sau đó trừ cho tất cả các chi phí đã thanh toán bằng tiền. Sau khi tính ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh, tính tiếp ngân lưu từ hoạt động đầu tư và ngân lưu từ hoạt động tài chính.

Đôi khi, các doanh nghiệp hoạt động ngoài nước Mỹ sử dụng bảng báo cáo nguồn thu và nguồn chi quỹ. "Quỹ" ở đây được hiểu là còn bao gồm những khoản mục không phải là tiền. Từ báo cáo quỹ, người sử dụng báo cáo tài chính có thể sắp xếp lại thành báo cáo ngân lưu bằng cách phân loại từng khoản mục liên quan đến hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính.

Muốn thuyết minh một báo cáo ngân lưu cần có hiểu biết về đặc tính kinh tế của ngành công nghiệp mà doanh nghiệp đang hoạt động, bao gồm những yếu tố như: doanh nghiệp sử dụng nhiều vốn (thâm dụng vốn), đặc tính tăng trưởng, và những yếu tố khác.

BÀI TẬP TỰ LUYỆN 5.4

Ảnh hưởng của các giao dịch phát sinh đến báo cáo ngân lưu. Bảng 5.14 thể hiện báo cáo ngân lưu đơn giản của một kỳ. Điền vào chỗ trống của của bảng 5.14 với các thông tin cho biết như sau:

- Chi phí khấu hao máy tính văn phòng là 2.000
- Mua máy móc trả bằng tiền mặt 10.000
- Chi cổ tức 6.500
- Phát hành cổ phiếu thường 12.000
- Bán cổ phiếu đầu tư dài hạn thu được 15.000 tiền mặt, giá trị sổ sách là 15.000

Bảng 5-14: Báo cáo ngân lưu đơn giản

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận ròng	(1)
Các điều chỉnh cộng (+) vào lợi nhuận ròng để tính dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh	+ (2)
Các điều chỉnh trừ (-) khỏi lợi nhuận ròng tính dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh	-(3)
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh [= (1) + (2) - (3)]	S1

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Thu hồi chứng khoán đầu tư	+ (4)
Mua chứng khoán công ty khác	-(5)
Ngân lưu ròng từ hoạt động đầu tư [= (4) - (5)]	S2

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tăng trong nợ và vốn chủ sở hữu	+(6)
Trả nợ và giảm vốn chủ sở hữu	-(7)
Chi trả cổ tức	-(8)

Ngân lưu ròng từ hoạt động tài chính [= (6) - (7) - (8)	S3
Thay đổi ròng trong tiền mặt tồn quỹ [= S1+S2+S3]	(9)
Tiền mặt tồn quỹ đầu kỳ	S4
Tiền mặt tồn quỹ cuối kỳ [= (9) + S4]	S5

LỜI GIẢI ĐỀ NGHỊ CHO CÁC BÀI TẬP TỰ LUYỆN

BÀI 5.1

- a. Hoạt động kinh doanh
- b. Hoạt động tài chính
- c. Hoạt động kinh doanh
- d. Hoạt động kinh doanh
- e. Hoạt động kinh doanh
- f. Hoạt động kinh doanh
- g. Hoạt động đầu tư
- h. Hoạt động kinh doanh
- i. Hoạt động kinh doanh
- j. Hoạt động đầu tư
- k. Hoạt động tài chính
- l. Hoạt động đầu tư
- m. Hoạt động tài chính
- n. Hoạt động đầu tư
- o. Hoạt động kinh doanh

BÀI 5.2**Bảng 5.15**

Tiền		
✓	10	
Hoạt động kinh doanh		
(4)	5	5 (1)
(5)	10	5 (2)
(8)	5	
Đầu tư		
		10 (3)
Tài chính		
(6)	5	
(7)	10	
✓	25	
Nhà xưởng và máy móc (chi phí)		
Khoản phải thu		
✓	15	
(1)	5	
✓	20	
Tồn kho		
✓	20	
(2)	5	
✓	25	
Khoản phải trả		
		30 ✓
		10 (5)
		40 ✓
Tích lũy khấu hao		
	25	✓
	4	(4)
	30	✓
Cổ phiếu thường		
	10	✓
	10	(7)
	20	✓
Thu nhập gửi lại		
	20	✓
	5	(5)
	25	✓

BÀI 5.3**Bảng 5.16**

Tiền									
		✓	70						
Hoạt động kinh doanh									
(1)			200	100	(5)				
(3)			80	110	(6)				
(4)			5	20	(7)				
(10)			120						
(11)			20						
(12)			190						
Đầu tư									
(4)			10	50	(8)				
				245	(9)				
Tài chính									
(14)			40	120	(2)				
				50	(13)				
		✓	40						
Khoản phải thu			Tồn kho			Trả trước			
✓	320		✓	360		✓	50		
(5)	100		(6)	110		(7)	20		
✓	420		✓	470		✓	70		
Đất đai			Nhà xưởng thiết bị			Nợ ngắn hạn khác			
✓	200		✓	1.800					
(8)	50		(9)	245	55	(4)		170	✓
✓	250		✓	1.990					
								190	(12)
								360	✓
Tích lũy khấu hao			Khoản phải trả			Khoản phải trả trái phiếu			
	800	✓		320	✓		250	✓	
(4)	40	800	(3)	120	(10)	(13)	50		
	840	✓		440	✓		200	✓	
Cổ phiếu thường			Thuế			Lợi nhuận gửi lại			
	500	✓		60	✓		700	✓	
	40	(14)		20	(11)	(2)	120	200	(1)
	540	✓		80	✓		780	✓	

BÀI 5.3.**Bảng 5.17: Công ty Gordon – Báo cáo ngân lưu cho năm 2**

(Đơn vị tính: triệu đô la)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận ròng 200

Các điều chỉnh cộng (+) từ lợi nhuận ròng để tính dòng
ngân lưu từ hoạt động kinh doanh:

Khấu hao 80

Lỗi do thanh lý tài sản 5

Tăng trong khoản phải trả 120

Tăng trong thuế phải trả 20

Tăng trong nợ ngắn hạn khác 190

Các điều chỉnh trừ (-) từ thu nhập để tính dòng ngân lưu từ
hoạt động kinh doanh

Tăng trong khoản phải thu (100)

Tăng trong hàng tồn kho (110)

Tăng trong khoản trả trước (20)

Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh 385**HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Bán thanh lý tài sản cố định 10

Mua đất đai (50)

Mua nhà xưởng thiết bị (245)

Ngân lưu ròng từ hoạt động đầu tư (285)**HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Phát hành cổ phiếu thường 40

Trả cổ tức (120)

Thanh toán trái phiếu đến hạn (50)

Ngân lưu ròng từ hoạt động tài chính (130)

Thay đổi ròng trong tiền mặt (30)

Tiền mặt tồn quỹ đầu kỳ 70

Tiền mặt tồn quỹ cuối kỳ 40

BÀI 5.4

Ảnh hưởng các giao dịch đến các báo cáo ngân lưu

Lập các bút toán ghi sổ cho các giao dịch, ảnh hưởng đến 9 dòng trong bảng 5.14

a. Chi phí khấu hao 2.00

Khấu hao tích lũy 2.000

Bút toán này bao gồm ghi Nợ vào tài khoản báo cáo thu nhập, do đó dòng (1) giảm 2.000. Chi phí khấu hao làm giảm lợi nhuận ròng nhưng không ảnh hưởng tới lượng tiền mặt (dòng (9)). Do

đó, dòng (2) phải tăng 2.000 tức cộng trở lại vào lợi nhuận ròng. Việc thêm vào này, sẽ loại trừ tác động của khấu hao và cả dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh và tài khoản tiền mặt.

b. Máy móc thiết bị	10.000	
Tiền mặt		10.000

Bút toán này bao gồm ghi Có vào tài khoản tiền mặt, vì thế dòng (9) giảm 1.000. Do dòng (9) là thay đổi tiền mặt ròng trong kỳ, nên một số dòng khác cần phải thay đổi tương ứng. Mua máy móc thiết bị thuộc hoạt động đầu tư, vì thế dòng (5) tăng lên 10.000. Lưu ý rằng dòng (5) có dấu âm, vì thế việc tăng dòng này làm giảm lượng tiền mặt.

c. Lợi nhuận gửi lại	6.500	
Tiền mặt		6.500

Bút toán này bao gồm ghi Có vào tài khoản tiền mặt, vì thế dòng (9) giảm 6.500. Chia cổ tức là hoạt động tài chính, vì thế dòng (8) tăng lên 6.500.

d. Tiền mặt	12.000	
Cổ phiếu thường		12.000

Ghi Nợ vào tài khoản tiền mặt có nghĩa là dòng (9) tăng lên 12.000. Phát hành cổ phiếu là hoạt động tài chính, do đó dòng (6) tăng 12.000.

e. Tiền mặt	15.000	
Đầu tư chứng khoán		15.000

Ghi Nợ vào tài khoản tiền mặt có nghĩa là dòng (9) tăng 15.000. Bán các chứng khoán đầu tư là một hoạt động đầu tư, vì thế dòng (4) tăng lên 15.000.

CÁC THUẬT NGỮ CHỦ YẾU

- Quan hệ giữa lợi nhuận và dòng ngân lưu
- Tính dòng ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp trực tiếp
- Tính dòng ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp.
- Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh.
- Ngân lưu ròng từ hoạt động đầu tư
- Ngân lưu ròng từ hoạt động tài chính
- Bảng đối chiếu tài khoản (worksheet)
- Khấu hao không phải là dòng ngân lưu (noncash)
- Báo cáo nguồn tiền và sử dụng tiền.
- Vốn lưu động.

Câu hỏi:

1. Ôn lại ý nghĩa của những thuật ngữ chủ yếu nêu trên.
2. "Để tránh những rắc rối, người ta có thể sử dụng cơ sở kế toán theo tiền mặt (cash accounting) thay vì sử dụng cơ sở kế toán theo thực thể phát sinh trong khi thiết lập báo cáo thu nhập". Hãy bình luận về nhận định này?
3. "Việc áp dụng cơ sở kế toán theo thực thể phát sinh đã làm nảy sinh nhu cầu cần phải lập báo cáo ngân lưu". Hãy giải thích?
4. "Báo cáo ngân lưu cung cấp những thông tin về thay đổi trong cấu trúc tài chính doanh nghiệp". Hãy giải thích?
5. Một sinh viên phản nản: "Tính dòng ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh bằng phương pháp trực tiếp dễ hiểu hơn phương pháp gián tiếp, nhưng tại sao phần lớn các doanh nghiệp lại thích áp dụng phương pháp quá trừu tượng này?" Có thể thuyết phục như thế nào với sinh viên này?
6. Báo cáo ngân lưu xếp khoản chi trả lãi vay vào hoạt động kinh doanh nhưng lại xếp khoản *trả nợ gốc* vào hoạt động tài chính. Việc này có vẻ như mâu thuẫn. Hãy thảo luận.
7. Báo cáo ngân lưu xếp khoản chi trả lãi vay vào hoạt động kinh doanh nhưng lại xếp khoản *chi trả cổ tức* vào hoạt động tài chính. Việc này có vẻ như mâu thuẫn. Hãy thảo luận.
8. Báo cáo ngân lưu xếp dòng ngân lưu của khoản phải trả người bán vào hoạt động kinh doanh, nhưng lại xếp dòng ngân lưu của khoản vay ngắn hạn ngân hàng vào hoạt động tài chính. Việc này có vẻ như mâu thuẫn. Hãy giải thích?
9. Doanh nghiệp tăng thiết bị từ tài sản nhận thế chấp (cần nợ) thì không thể hiện dòng chi tiền trên báo cáo ngân lưu. Nhưng thay vào đó phải thể hiện thành một báo cáo riêng hoặc phải ghi chú thêm bên dưới báo cáo ngân lưu. Loại thông tin như vậy thì có giá trị gì đối với người đọc? Tại sao nghiệp vụ này lại không thể nào thể hiện được trên báo cáo ngân lưu?
10. Có tác giả viết: "Khấu hao là nguồn tiền chủ yếu nhất dùng để phát triển doanh nghiệp". Một độc giả đã phê phán nhận xét này bằng cách trả lời:

Vấn đề là trong một năm bất kỳ nào đó, nếu doanh nghiệp khấu hao cao hơn mức khấu hao dự kiến là 10 triệu, thì họ cũng không tạo được thêm một xu nào để mở rộng nhà xưởng, gia tăng hàng tồn kho hoặc tăng khoản phải thu. Do đó, cho rằng khấu hao là nguồn tiền là hoàn toàn sai và có ý dối trá.

Hãy bình luận cuộc "bút chiến" này, có lưu ý đến tác động của thuế.

11. Điều gì đã xảy ra đối với một công ty kinh doanh có lãi nhưng dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh lại là một số âm?
12. Điều gì đã xảy ra đối với một công ty kinh doanh bị lỗ nhưng dòng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh lại là một số dương?

13. Nếu bán thanh lý thiết bị với giá cao hơn giá trị còn lại trên sổ sách (có lãi), khi lập báo cáo ngân lưu (theo phương pháp gián tiếp), phải trừ khoản lãi này ra khỏi lợi nhuận ròng. Tại sao?